

**DANH SÁCH ĐVVT KÊ KHAI GIÁ LỄ 30/04 & 01/05 NĂM 2026**

| STT | Tên ĐVVT                          | Tuyến đường         | Giá vé    |          | Tỷ lệ  | Ngày tăng giá  |
|-----|-----------------------------------|---------------------|-----------|----------|--------|----------------|
|     |                                   |                     | Hiện hành | Tăng giá |        |                |
| 1   | DNTN Cô Hai                       | Krông Pa 34 Phòng   | 470.000   | 620.000  | 31,91% | 29/4 đến 01/05 |
| 2   | Công ty TNHH DV TM Phúc Hoàng Kim | Vạn Ninh 24 Giường  | 530.000   | 740.000  | 39,62% | 29/4 đến 29/4  |
|     |                                   | Vạn Ninh 34 Giường  | 420.000   | 585.000  | 39,29% |                |
| 3   | Cty TNHH Toàn Thắng               | Vũng Tàu 16 ghế     | 190.000   | 220.000  | 15,79% | 29/04 đến 03/5 |
|     |                                   | Vũng Tàu 10 ghế LMS | 240.000   | 270.000  | 12,50% |                |
|     |                                   | Bà Rịa 16 ghế       | 180.000   | 210.000  | 16,67% |                |
|     |                                   | Bà Rịa 10 ghế LMS   | 240.000   | 270.000  | 12,50% |                |
| 4   | HTX VTDL&DV Châu Hà               | Cần Thơ             | 86.000    | 120.000  | 39,53% | 29/4 đến 30/4  |
|     |                                   | Tân Châu            | 138.000   | 190.000  | 37,68% |                |
|     |                                   | Châu Đốc            | 132.000   | 183.000  | 38,64% |                |
|     |                                   | Kiên Lương          | 216.000   | 300.000  | 38,89% |                |
|     |                                   | Hà Tiên G           | 228.000   | 316.000  | 38,60% |                |
|     |                                   | Hà Tiên 36P         | 300.000   | 417.000  | 39,00% |                |
|     |                                   | Hà Tiên 26P         | 280.000   | 390.000  | 39,29% |                |
|     |                                   | Long Xuyên          | 112.000   | 155.000  | 38,39% |                |
|     |                                   | Phú Mỹ              | 95.000    | 132.000  | 38,95% |                |

|   |                                                         |                       |         |         |        |                |
|---|---------------------------------------------------------|-----------------------|---------|---------|--------|----------------|
|   |                                                         | Sa Đéc                | 107.000 | 148.000 | 38,32% |                |
|   |                                                         | Rạch Giá G            | 192.000 | 265.000 | 38,02% |                |
|   |                                                         | Trà vinh              | 132.000 | 183.000 | 38,64% |                |
|   |                                                         | Cầu Ngang             | 150.000 | 208.000 | 38,67% |                |
|   |                                                         | Ốc Eo (Thoại Sơn)     | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                |
| 5 | Công Ty Tuấn Tú                                         | Ninh Sơn 24G          | 475.000 | 665.000 | 40,00% | 29/4 đến 30/4  |
|   |                                                         | Ninh Sơn 34G          | 345.000 | 483.000 | 40,00% |                |
| 6 | Công ty TNHH Thương Mại & vận tải An Anh<br>- Quê Hương | Ninh Thuận (34P)      | 350.000 | 490.000 | 40,00% | 29/4 đến 01/05 |
|   |                                                         | Ninh Thuận (22P)      | 470.000 | 658.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | H. Ninh Sơn (34P)     | 350.000 | 490.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | H. Ninh Sơn (22P)     | 470.000 | 658.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Tây Ninh 28 ghé       | 110.000 | 154.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Phú Tân 34P           | 180.000 | 252.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Vĩnh Thuận 34P        | 260.000 | 364.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Hà Tiên 34G           | 260.000 | 364.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Vị Thanh 34G          | 200.000 | 280.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Hồng Ngự 34G          | 180.000 | 252.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Sóc Trăng 34P         | 200.000 | 280.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Vĩnh Châu 34G         | 210.000 | 294.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Ngã Năm 34G           | 220.000 | 308.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Vĩnh Long 34G         | 150.000 | 210.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Năm Căn 34G           | 285.000 | 399.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Cà Mau 34G            | 270.000 | 378.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Cà Mau (Đồng Tâm) 34G | 270.000 | 378.000 | 40,00% |                |
|   |                                                         | Hộ Phòng 34P          | 230.000 | 322.000 | 40,00% |                |

|                     |         |         |        |
|---------------------|---------|---------|--------|
| Bạc Liêu 34P        | 230.000 | 322.000 | 40,00% |
| Long Xuyên 34P      | 200.000 | 280.000 | 40,00% |
| Châu Đốc 34P        | 210.000 | 294.000 | 40,00% |
| Tri Tôn 34P         | 220.000 | 308.000 | 40,00% |
| Kiên Giang 34G      | 230.000 | 322.000 | 40,00% |
| Ô Môn 34G           | 185.000 | 259.000 | 40,00% |
| Cần Thơ 34G         | 165.000 | 231.000 | 40,00% |
| Trà Ôn 34G          | 170.000 | 238.000 | 40,00% |
| Bình Minh 34G       | 165.000 | 231.000 | 40,00% |
| Sa Đéc 34P          | 155.000 | 217.000 | 40,00% |
| Cao Lãnh 34P        | 150.000 | 210.000 | 40,00% |
| Duyên Hải 34P       | 195.000 | 273.000 | 40,00% |
| Trà Vinh 34P        | 175.000 | 245.000 | 40,00% |
| Bến Tre 34P         | 120.000 | 168.000 | 40,00% |
| Gành Hào 34P        | 250.000 | 350.000 | 40,00% |
| Gò Quao 34P         | 240.000 | 336.000 | 40,00% |
| Tân Châu 34P        | 190.000 | 266.000 | 40,00% |
| Phước Long (BL) 34P | 220.000 | 308.000 | 40,00% |
| Thạnh Phú 34P       | 140.000 | 196.000 | 40,00% |
| Óc Eo 34P           | 210.000 | 294.000 | 40,00% |
| Khánh Bình 34P      | 220.000 | 308.000 | 40,00% |
| Lai Vung 34G        | 155.000 | 217.000 | 40,00% |
| Tháp Mười 34P       | 120.000 | 168.000 | 40,00% |
| An Minh 34P,36G     | 250.000 | 350.000 | 40,00% |
| Mũi Né ghế LMS      | 200.000 | 280.000 | 40,00% |

|                   |         |         |        |
|-------------------|---------|---------|--------|
| Mũi Né 36G        | 210.000 | 294.000 | 40,00% |
| Vũng Tàu          | 140.000 | 196.000 | 40,00% |
| Vũng Tàu LMS      | 185.000 | 259.000 | 40,00% |
| Nha Trang 34G     | 310.000 | 434.000 | 40,00% |
| Cam Ranh 34G      | 295.000 | 413.000 | 40,00% |
| Ninh Hòa 34G      | 330.000 | 462.000 | 40,00% |
| Đà Lạt 34P        | 260.000 | 364.000 | 40,00% |
| Bảo Lộc           | 210.000 | 294.000 | 40,00% |
| Huế 34P           | 515.000 | 721.000 | 40,00% |
| Đà Nẵng 34P       | 510.000 | 714.000 | 40,00% |
| Quảng Ngãi 34P    | 410.000 | 574.000 | 40,00% |
| Quy Nhơn 34P      | 360.000 | 504.000 | 40,00% |
| Tuy Hòa 34P       | 335.000 | 469.000 | 40,00% |
| Đức Long 34P      | 350.000 | 490.000 | 40,00% |
| Buôn Ma Thuột 34P | 310.000 | 434.000 | 40,00% |
| Đắk Nông 34P      | 210.000 | 294.000 | 40,00% |
| An Nhơn 34G       | 360.000 | 504.000 | 40,00% |
| Phú Phong 34G     | 360.000 | 504.000 | 40,00% |
| Kon Tum 34G       | 400.000 | 560.000 | 40,00% |
| Bù Đăng 34P       | 130.000 | 182.000 | 40,00% |
| Phước Long 34P    | 130.000 | 182.000 | 40,00% |
| An Khê 34P        | 350.000 | 490.000 | 40,00% |
| Buôn Hồ 34P       | 310.000 | 434.000 | 40,00% |
| Đầm Dơi           | 270.000 | 378.000 | 40,00% |
| Vũng Liêm         | 165.000 | 231.000 | 40,00% |

|    |                                |                     |         |         |        |               |
|----|--------------------------------|---------------------|---------|---------|--------|---------------|
|    |                                | Cầu Kè              | 185.000 | 259.000 | 40,00% |               |
|    |                                | Ba Tri              | 140.000 | 196.000 | 40,00% |               |
|    |                                | Ninh Thuận 34G      | 270.000 | 378.000 | 40,00% |               |
| 8  | HTX VT CG Krong Bong           | Krong Bong Giuong   | 400.000 | 500.000 | 25,00% | 29/4 đến 30/4 |
|    |                                | Krong Bong 24 Phòng | 550.000 | 700.000 | 27,27% |               |
|    |                                | Krong Bong 34 Phòng | 450.000 | 550.000 | 22,22% |               |
| 9  | Công ty TNHH vận tải Quý Thảo  | Phước An 34P        | 500.000 | 600.000 | 20,00% | 28/4 đến 28/4 |
|    |                                | Phước An 24P        | 600.000 | 700.000 | 16,67% |               |
|    |                                | Phước An 40G        | 450.000 | 550.000 | 22,22% |               |
|    |                                | Phước An 32P        | 500.000 | 600.000 | 20,00% |               |
|    |                                | Phước An 34P        | 500.000 | 700.000 | 40,00% | 29/4 đến 30/4 |
|    |                                | Phước An 24P        | 600.000 | 840.000 | 40,00% |               |
|    |                                | Phước An 40G        | 450.000 | 630.000 | 40,00% |               |
|    |                                | Phước An 32P        | 500.000 | 700.000 | 40,00% |               |
| 10 | Công ty TNHH VT Ba Châu        | Ô Môn G             | 199.000 | 250.000 | 25,63% | 29/4 đến 01/5 |
|    |                                | Cần Thơ G           | 189.000 | 240.000 | 26,98% |               |
| 11 | Công ty TNHH VT-QLBX Quảng Phú | Quảng Phú           | 370.000 | 520.000 | 40,54% | 29/4 đến 29/4 |
|    |                                | Quảng Phú 22G       | 550.000 | 770.000 | 40,00% |               |
|    |                                | Tân Phú Đông        | 81.000  | 112.000 | 38,27% | 30/4 đến 01/5 |
|    |                                | Tân Hiệp            | 43.000  | 60.000  | 39,53% |               |
|    |                                | Vĩnh Kim            | 60.000  | 83.000  | 38,33% |               |
|    |                                | Cai Lậy             | 56.000  | 78.000  | 39,29% |               |
|    |                                | Cái Bè              | 74.000  | 102.000 | 37,84% |               |
|    |                                | An Hữu              | 81.000  | 112.000 | 38,27% |               |
|    |                                | Cầu Kè              | 150.000 | 207.000 | 38,00% |               |

|    |                                   |                          |         |         |        |               |
|----|-----------------------------------|--------------------------|---------|---------|--------|---------------|
| 12 | HTX XK LT DL & DV Thống Nhất      | Trường Xuân              | 119.000 | 165.000 | 38,66% | 29/4 đến 30/4 |
|    |                                   | Tam Nông                 | 125.000 | 170.000 | 36,00% |               |
|    |                                   | Huyện Hồng Ngự (ghế)     | 180.000 | 250.000 | 38,89% |               |
|    |                                   | Phú Phong Giường         | 440.000 | 610.000 | 38,64% |               |
|    |                                   | Phú Phong 22 Giường      | 610.000 | 850.000 | 39,34% |               |
|    |                                   | M' drac 34P              | 380.000 | 530.000 | 39,47% |               |
|    |                                   | M' drac                  | 290.000 | 400.000 | 37,93% |               |
|    |                                   | Eakar                    | 280.000 | 390.000 | 39,29% |               |
|    |                                   | Eakar 34G                | 320.000 | 440.000 | 37,50% |               |
|    |                                   | Eakar 24G                | 450.000 | 620.000 | 37,78% |               |
|    |                                   | Sông Hình 44 Giường      | 350.000 | 480.000 | 37,14% |               |
|    |                                   | Sông Hình 34 Giường      | 410.000 | 570.000 | 39,02% |               |
|    |                                   | Sông Hình 22 Giường      | 560.000 | 780.000 | 39,29% |               |
|    |                                   | Bồng Sơn                 | 630.000 | 880.000 | 39,68% |               |
| 13 | Công ty TNHH DL & TM Liên Hưng    | Ninh Hoà 32 và 34 Giường | 415.000 | 580.000 | 39,76% | 28/4 đến 29/4 |
|    |                                   | Ninh Hoà 22P             | 605.000 | 845.000 | 39,67% |               |
|    |                                   | Vạn Ninh 32 và 34 giường | 440.000 | 615.000 | 39,77% |               |
|    |                                   | Vạn Ninh 22 giường       | 635.000 | 885.000 | 39,37% |               |
| 14 | CN Công ty TNHH DL & TM Liên Hưng | Nha Trang 32G            | 330.000 | 460.000 | 39,39% | 28/4 đến 29/4 |
|    |                                   | Nha Trang 22G            | 500.000 | 700.000 | 40,00% |               |
| 15 | Công ty TNHH MTV DV&VT Kim Cương  | Cao Lãnh 32G             | 140.000 | 190.000 | 35,71% | 29/4 đến 30/4 |
|    |                                   | Cao Lãnh 40G             | 120.000 | 160.000 | 33,33% |               |
|    |                                   | Cao Lãnh 28 GHẾ          | 120.000 | 160.000 | 33,33% |               |
|    |                                   | Cao Lãnh 28 GHẾ NĂM      | 120.000 | 160.000 | 33,33% |               |
|    |                                   |                          |         |         |        |               |

|    |                                 |                    |         |           |          |               |
|----|---------------------------------|--------------------|---------|-----------|----------|---------------|
| 16 | Công ty TNHH Thành Bưởi         | Cần Thơ 34G        | 180.000 | 200.000   | 11,11%   | 29/4 đến 01/5 |
|    |                                 | Cần Thơ 24G        | 210.000 | 220.000   | 4,76%    |               |
| 17 | Công ty TNHH TM&VT Sao          | Sông Hình 22G      | 500.000 | 700.000   | 40,00%   | 29/4 đến 30/4 |
|    |                                 | Sông Hình 34G      | 350.000 | 490.000   | 40,00%   |               |
| 18 | Công Ty Thanh Huy               | Cam Ranh 34G       | 350.000 | 560.000   | 60,00%   | 24/4 ĐẾN 01/5 |
|    |                                 | Cam Ranh 44G       | 290.000 | 460.000   | 58,62%   |               |
| 19 | Công ty TNHH TM DL VT Huỳnh Gia | Nha Trang 22G      | 600.000 | 840.000   | 40,00%   | 29/4 đến 30/4 |
|    |                                 | Nha Trang 34G      | 384.000 | 537.000   | 39,84%   |               |
|    |                                 | Ninh Hòa 34G       | 384.000 | 537.000   | 39,84%   |               |
| 20 | HTX XKLT Miền Tây               | Ba Tri             | 100.000 | 140.000   | 40,00%   | 30/4 đến 01/5 |
|    |                                 | Bến Tre            | 75.000  | 105.000   | 40,00%   |               |
|    |                                 | Bình Đại           | 110.000 | 154.000   | 40,00%   |               |
|    |                                 | Đức Linh           | 85.000  | 118.000   | 38,82%   |               |
|    |                                 | Thạnh Phú          | 110.000 | 154.000   | 40,00%   |               |
|    |                                 | Sông Hình 24G      | 500.000 | 600.000   | 20,00%   |               |
|    |                                 | Sông Hình 36G      | 290.000 | 350.000   | 20,69%   |               |
|    |                                 | Tiểu Cần           | 105.000 | 146.000   | 39,05%   |               |
|    |                                 | Vĩnh Châu          | 180.000 | 250.000   | 38,89%   |               |
| 21 | HTX XK LT&DL Đông Bắc           | Krông Bông         | 310.000 | 430.000   | 38,71%   | 29/4 đến 01/5 |
|    |                                 | Krông Bông 24P     | 480.000 | 665.000   | 38,54%   |               |
|    |                                 | Sông Hình          | 340.000 | 470.000   | 38,24%   |               |
|    |                                 | M'Đrăc 22P LMS     | 525.000 |           | -100,00% |               |
|    |                                 | Bồng Sơn 24 giường | 750.000 | 1.000.000 | 33,33%   |               |
|    |                                 | Quy Nhơn           | 350.000 | 485.000   | 38,57%   |               |
|    |                                 | Quy Nhơn 22P       | 620.000 | 860.000   | 38,71%   |               |

|    |                                          |                       |         |         |        |                       |
|----|------------------------------------------|-----------------------|---------|---------|--------|-----------------------|
| 22 | HTX VTLT&DL Việt Thắng                   | Vĩnh Kim              | 63.000  | 82.000  | 30,16% | <b>30/4 đến 01/5</b>  |
|    |                                          | Cai Lậy               | 63.000  | 82.000  | 30,16% |                       |
|    |                                          | Chợ Gạo               | 49.000  | 66.000  | 34,69% |                       |
|    |                                          | Hưng Long             | 67.000  | 88.000  | 31,34% |                       |
|    |                                          | Mỏ Cày                | 95.000  | 125.000 | 31,58% |                       |
|    |                                          | Gò Công Tây           | 66.000  | 86.000  | 30,30% |                       |
|    |                                          | Tân Hiệp              | 37.000  | 48.000  | 29,73% |                       |
|    |                                          | Vĩnh Phong            | 250.000 | 325.000 | 30,00% |                       |
|    |                                          | Cầu Kè                | 150.000 | 195.000 | 30,00% |                       |
|    |                                          | Kế Sách               | 180.000 | 235.000 | 30,56% |                       |
|    |                                          | Đại Ngãi              | 166.000 | 220.000 | 32,53% |                       |
| 23 | Công ty Phúc Yên                         | Sơn Hòa (Phú Yên) 34G | 290.000 | 400.000 | 37,93% | <b>29/4 đến 29/4</b>  |
|    |                                          | Nam Tuy Hòa 44G       | 290.000 | 400.000 | 37,93% |                       |
|    |                                          | Nam Tuy Hòa 24G       | 500.000 | 700.000 | 40,00% |                       |
| 24 | Công ty cổ phần dịch vụ du lịch Mộc Thảo | Nam Tuy Hòa 34G->40G  | 500.000 | 670.000 | 34,00% | <b>29/04 đến 29/4</b> |
|    |                                          | Nam Tuy Hòa 42G       | 420.000 | 570.000 | 35,71% |                       |
|    |                                          | Nam Tuy Hòa 26G       | 640.000 | 870.000 | 35,94% |                       |
|    |                                          | Sóc Trăng 44G         | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                       |
|    |                                          | Sóc Trăng 34G         | 200.000 | 280.000 | 40,00% |                       |
|    |                                          | Đại Ngãi 44G          | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                       |
|    |                                          | Đại Ngãi 34G          | 200.000 | 280.000 | 40,00% |                       |
|    |                                          | Long Phú 44G          | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                       |
|    |                                          | Long Phú 34G          | 200.000 | 280.000 | 40,00% |                       |
|    |                                          | Mỹ Tú 44G             | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                       |
|    |                                          | Mỹ Tú 34G             | 200.000 | 280.000 | 40,00% |                       |

|    |                                 |                           |         |         |        |                                        |
|----|---------------------------------|---------------------------|---------|---------|--------|----------------------------------------|
| 25 | Công ty TNHH VCHK Mỹ Duyên      | Ngã 7 44G                 | 160.000 | 220.000 | 37,50% | <b>12h 29/04<br/>đến<br/>12h 01/05</b> |
|    |                                 | Ngã 7 34G                 | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                                        |
|    |                                 | Trần Đề 44G               | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                                        |
|    |                                 | Trần Đề 34G               | 200.000 | 280.000 | 40,00% |                                        |
|    |                                 | Kế Sách 44G               | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                                        |
|    |                                 | Kế Sách 34G               | 200.000 | 280.000 | 40,00% |                                        |
|    |                                 | Sa Đéc 36G - 44G          | 150.000 | 210.000 | 40,00% |                                        |
|    |                                 | Sa Đéc 34P                | 170.000 | 230.000 | 35,29% |                                        |
|    |                                 | Chợ Mới 36G - 44G         | 160.000 | 220.000 | 37,50% |                                        |
|    |                                 | Chợ Mới 34P               | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                                        |
|    |                                 | Cần Thơ 36G - 44G         | 160.000 | 220.000 | 37,50% |                                        |
|    |                                 | Cần Thơ 34G               | 170.000 | 230.000 | 35,29% |                                        |
| 26 | Cty TNHH Quốc Hoàng             | Cao Lãnh(34G)             | 160.000 | 220.000 | 37,50% | <b>29/4 đến 30/4</b>                   |
|    |                                 | Cao Lãnh VIP 24G          | 170.000 | 230.000 | 35,29% |                                        |
| 27 | Chi nhánh Cty TNHH Quốc Hoàng   | Cao Lãnh(34G)             | 160.000 | 220.000 | 37,50% | <b>29/4 đến 30/4</b>                   |
|    |                                 | Cao Lãnh VIP 24G          | 170.000 | 230.000 | 35,29% |                                        |
| 28 | Công ty TNHH VT-DL Tuấn Nga     | Hà Tiên 41G               | 220.000 | 300.000 | 36,36% | <b>29/4 đến 01/5</b>                   |
|    |                                 | Hà Tiên 34G               | 260.000 | 350.000 | 34,62% |                                        |
|    |                                 | Hà Tiên 24G               | 360.000 | 500.000 | 38,89% |                                        |
|    |                                 | Kiên Giang 41G            | 190.000 | 260.000 | 36,84% |                                        |
|    |                                 | Kiên Giang 34 G           | 230.000 | 300.000 | 30,43% |                                        |
|    |                                 | Kiên Giang 24G            | 310.000 | 430.000 | 38,71% |                                        |
| 29 | Công ty TNHH Hùng Cường (ĐT)    | Tân Hồng 40G              | 180.000 | 250.000 | 38,89% | <b>29/4 đến 30/4</b>                   |
|    |                                 | TP.Hồng Ngự 36-42G Giường | 180.000 | 250.000 | 38,89% |                                        |
| 30 | CN-Công ty TNHH Hùng Cường (ĐT) | Tân Hồng 40G              | 190.000 | 260.000 | 36,84% | <b>30/4 đến 01/5</b>                   |

|    |                                      |              |         |         |        |                      |
|----|--------------------------------------|--------------|---------|---------|--------|----------------------|
| 31 | Công ty cổ phần Ô Tô Tiền Giang      | Chợ Gạo      | 58.000  | 81.000  | 39,66% | <b>29/4 đến 30/4</b> |
|    |                                      | Gò Công Tây  | 62.000  | 86.000  | 38,71% |                      |
|    |                                      | An Hữu       | 74.000  | 103.000 | 39,19% |                      |
|    |                                      | Cai Lậy      | 57.000  | 79.000  | 38,60% |                      |
|    |                                      | Vĩnh Kim     | 63.000  | 88.000  | 39,68% |                      |
|    |                                      |              | 72.000  | 100.000 | 38,89% |                      |
|    |                                      | Tân Hiệp     | 50.000  | 69.000  | 38,00% |                      |
| 32 | HTX VTTB 2/9 Cái Bè                  | An Hữu       | 75.000  | 103.000 | 37,33% | <b>29/4 đến 30/4</b> |
|    |                                      | Cái Bè       | 70.000  | 97.000  | 38,57% |                      |
|    |                                      | Cai Lậy      | 57.000  | 79.000  | 38,60% |                      |
| 33 | HTX Tân Phú                          | Tân Phú Đông | 83.000  | 115.000 | 38,55% | <b>29/4 đến 30/4</b> |
| 34 | HTX VTTB TX Cai Lậy                  | Cai Lậy      | 57.000  | 79.000  | 38,60% | <b>30/4 đến 01/5</b> |
|    |                                      | An Hữu       | 74.000  | 103.000 | 39,19% |                      |
|    |                                      | Hưng Long    | 60.000  | 83.000  | 38,33% |                      |
|    |                                      | Hiệp Đức     | 74.000  | 103.000 | 39,19% |                      |
| 35 | Công ty TNHH Vận tải Hào Phúc        | BX Krông Ana | 300.000 | 420.000 | 40,00% | <b>29/4 đến 01/5</b> |
| 36 | DNTN Vận chuyển Quốc Việt            | Cần Thơ G    | 150.000 | 210.000 | 40,00% | <b>29/4 đến 30/4</b> |
|    |                                      | Cần Thơ Ghế  | 120.000 | 165.000 | 37,50% |                      |
|    |                                      | Cà Mau Phòng | 250.000 | 350.000 | 40,00% |                      |
|    |                                      | Cà Mau G     | 210.000 | 295.000 | 40,48% |                      |
|    |                                      | Cà Mau Ghế   | 190.000 | 265.000 | 39,47% |                      |
| 37 | Công ty TNHH VT Văn Lang-CN Thốt Nốt | Thốt Nốt     | 190.000 | 240.000 | 26,32% | <b>29/4 đến 30/4</b> |
| 38 | HTX VTTB Huyện Châu Thành            | Vĩnh Kim     | 62.000  | 86.000  | 38,71% | <b>29/4 đến 30/4</b> |
|    |                                      | Tân Hiệp     | 50.000  | 69.000  | 38,00% |                      |